

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Đức.

Ông Hoàng Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn (vụ án tiếp nhận từ Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị Kim L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2025, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Vi Thị Kim L trình bày:

Chị Vi Thị Kim L và anh Nguyễn Trung T đăng ký kết hôn ngày 24/01/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã C), tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kết hôn cuộc sống ban đầu diễn ra bình thường, nhưng đến khoảng năm 2010 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh Nguyễn Trung T không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, hay đánh cò

bạc, thường xuyên uống rượu mỗi lần uống rượu say lại đánh vợ, đỉnh điểm vào khoảng năm 2021, 2022 chị bị đánh ngất đi một lúc sau mới tỉnh lại (không phải đi viện), từ đó cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau, chị Vi Thị Kim L nhiều lần phải bỏ về nhà mẹ đẻ, lần gần nhất anh Nguyễn Trung T uống rượu say về lại cầm dao dọa giết ba mẹ con nên từ tháng 4/2025 chị Vi Thị Kim L và các con phải về nhà ngoại sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có được hai bên gia đình động viên quay về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ khi ly thân hai vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Vi Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung, cháu Nguyễn Anh Thư S ngày 21/6/2008, cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 03/12/2014, hiện nay các con chung ở với nguyên đơn, từ khi ly thân đến nay nguyên đơn một mình tự nuôi các con, bị đơn không hỗ trợ gì. Về điều kiện nuôi con, nguyên đơn có thu nhập ổn định 10.000.000/tháng và có chỗ ở hợp pháp tại thôn Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy, sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2025 anh Nguyễn Trung T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Vi Thị Kim L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn nếu có thì chỉ là những mâu thuẫn trong sinh hoạt rồi bỏ qua vì con cái. Gần đây nhất vào dịp 30/4/2025, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc anh T mua thịt lợn về yêu cầu chị L làm cơm để cả nhà ăn nhưng chị L không làm, do đó anh T phải xuống bếp làm và có mắng chửi nhưng không hề cầm dao dọa giết ba mẹ con. Sau đó anh T vào núi đi soi ốc, khi về thì ba mẹ con đã dọn đồ sang nhà ông bà ngoại. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Anh Thư S ngày 21/6/2008, cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 03/12/2014, hiện nay các con chung ở với nguyên đơn. Trường hợp phải ly hôn, anh T tôn trọng nguyện vọng của các con, các con muốn ở với mẹ anh T2 nhất trí và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị

áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị Kim L về việc ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Về con chung, giao con chung cháu Nguyễn Anh Thư S ngày 21/6/2008, cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 03/12/2014, cho chị Vi Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Kim L và anh Nguyễn Trung T, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/01/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã C), tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 21/7/2025 của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vi Thị Kim L và anh Nguyễn Trung T có 02 người con chung, cháu Nguyễn Anh Thư S ngày 21/6/2008, cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 03/12/2014. Xét thấy, từ khi ly thân các con chung ở cùng nguyên đơn, trong thời gian này bị đơn không hỗ trợ gì trong việc nuôi dạy con chung; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con; nguyên đơn đảm bảo điều kiện, khả năng về chỗ ở, thu nhập để nuôi con; nguyện vọng của con chung mong muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn môi trường sống bình thường của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao 02 người con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và nguyên đơn có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Chị Vi Thị Kim L và anh Nguyễn Trung T có 02 người con chung, cháu Nguyễn Anh Thư S ngày 21/6/2008, cháu Nguyễn Anh T1 sinh ngày 03/12/2014. Sau khi ly hôn, chị Vi Thị Kim L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung, cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Vi Thị Kim L chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị Kim L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V - Phòng nghiệp vụ 2.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Cai Kinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn